| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**
*- Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Mã Thanh Trung**
2. Ông **Võ Văn Cường**
*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Nhan Minh Hoàng** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2.Bị đơn: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1962.
Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
(Bà P có mặt; ông B có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 02/7/2018 và lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Do quen B nhau nên bà và ông Phạm Văn B sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân do ông B ghen tuông và thường xuyên dùng hung khí đe dọa tính mạng của bà nhiều lần. Mặt khác, trong thời gian chung sống như vợ chồng ông B che giấu sự việc là ông đã có vợ và 03 con chưa chấm dứt quan hệ với người vợ trước nên tình cảm không còn nữa, không thể nào tiếp tục sống chung được nữa. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 31/7/1999 đã trưởng thành và lao động được. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Nay bà xin ly hôn với ông Phạm Văn B. Về con chung: Do con chung đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn B tại tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/8/2018 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị P chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 01 năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 31/7/1999 đã trưởng thành và lao động được. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Nay bà P xin ly hôn ông không đồng ý. Nếu Tòa án cho ly hôn về con chung đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Phạm Văn B có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Văn B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1995. Trong thời gian chung sống bà P và ông B không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nay bà P xin ly hôn với ông B, còn ông B không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà P và ông B có 01 con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 31/7/1999. Hiện con chung đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà P và ông B cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà P và ông B cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Văn B.

2.Về con chung: Con chung đã trưởng thành và lao động được đồng thời cũng không có ai yêu cầu g ìn ên Hội đồng x ét xử không đặt ra xem x ét.

3.Về t ài sản chung: Kh ông c ó.

4.Về nợ chung: Kh ông c ó.

5.Về án ph í: B à Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đồng án ph í h ôn nh ân v à gia đình sơ thẩm. B à P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án ph í h ôn nh ân v à gia đình sơ thẩm theo bi ên lai số 08959 ng ày 04/7/2018 của Chi cục Thi h ành án d ân sự huyện C, xem như bà P thi h ành xong án ph í h ôn nh ân và gia đình sơ thẩm.

6.Về quyền kh áng c áo: B à Nguyễn Thị P được thực hiện quyền kh áng c áo bản án trong hạn 15 ng ày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Phạm Văn B được thực hiện quyền kh áng c áo bản án trong hạn 15 ng ày kể từ ng ày T òa án tống đạt bản án hoặc ni êm yết bản án hợp lệ để y êu cầu T òa án nh ân d ân tỉnh Tiền Giang x ét xử ph úc thẩm.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND x ã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**L ê Thị Diễm**